

Bản án số: 89/2020/HS-PT
Ngày 02 tháng 10 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thanh
Bà Phạm Thị Thúy Mai

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hương - Là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:
Bà Mậu Mai Quyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 9 và 02 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 50/2020/TLPT-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo Đặng Văn T và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HSST ngày 29/4/2020 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đặng Văn T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn Â, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Mậu và bà Trần Thị M; có vợ là Nguyễn Thị Thu T và có 04 con; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2019 đến ngày 11/12/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, (Có mặt).

2. Trần Trường O, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Trần Văn Giảng và bà Bùi Thị L; có vợ là Đặng Thị H và có 03 con; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 09/10/2019 đến ngày 18/10/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, (Có mặt).

3. Nguyễn Văn E, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 10/12; con ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị T; có vợ là Đỗ Thị T và chưa có con; tiền sự, tiền án: Không; bị

bắt tạm giữ từ ngày 09/10/2019 đến ngày 18/10/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, (Có mặt)..

4. Lê Đức F, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Lê Văn L và bà Phan Thị V; có vợ là Phùng Thị H và có 02 con; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 09/10/2019 đến ngày 18/10/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết Đặng Văn T có ghi số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại nên khoảng 17 giờ 30 phút ngày 04/10/2019 Nguyễn Văn E đã đánh bạc với T bằng hình thức ghi số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại. Cụ thể như sau: E dùng điện thoại Huawei nhắn cho T các số lô 22, 01, 10 mỗi số 50 điểm, mỗi điểm lô tương ứng 22.000đ, tổng là 3.300.000đ, T đồng ý và nhắn lại “ok”. Đến 18 giờ 30 phút, E so kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng trúng số lô 22 được 4.000.000đ (50 điểm x 80.000đ). Tổng số tiền ngày 04/10/2019 E và T đánh bạc là 7.300.000đ, E và T chưa thanh toán tiền cho nhau.

Hình thức chơi, cụ thể: Người chơi ghi số lô từ 00 đến 99 kèm theo số điểm ghi, mỗi điểm lô tương ứng 22.000đ, số đề từ 00 đến 99 kèm theo số tiền ghi đề người chơi đặt cược với chủ ghi đề. Sau đó, người ghi số lô so với 02 số cuối của tất cả các giải, số đề so với hai số cuối giải đặc biệt của xổ số Miền Bắc mở thưởng hồi 18 giờ 30 phút hàng ngày. Nếu 02 số lô của người chơi ghi so với kết quả xổ số mở thưởng trùng với 02 số cuối của các giải thưởng thì mỗi điểm lô người chơi được hưởng 80.000đ, lô xiên hai người chơi được hưởng 100.000đ, lô xiên ba người chơi được hưởng 400.000đ tùy theo người chơi đặt cược xiên hai hay xiên ba. Nếu 02 số đề của người chơi ghi so với kết quả xổ số mở thưởng trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt thì mỗi 1.000đ người chơi được hưởng 70.000đ, nếu số đề ba càng (trúng 3 số cuối của giải đặc biệt) thì người chơi được trả gấp 400 lần số tiền đã chơi. Nếu không trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt và 02 số cuối của các giải thì người chơi sẽ mất số tiền đã ghi.

Tại cơ quan điều tra: Đặng Văn T khai nhận T còn đánh bạc với Trần Trường O, O khai nhận đánh bạc với Lê Đức F, bằng hình thức ghi số lô, số đề vào ngày 08/10/2019, cụ thể:

Khoảng 17 giờ ngày 08/10/2019, Lê Đức F nhắn bằng ứng dụng Zalo cho O ghi các số lô số đề: Số lô 84 x 50 điểm, 48 x 20 điểm, 12 x 30 điểm, 73 x 30 điểm (mỗi điểm lô là 22.000đ); số lô xiên 00-12-23, 30-21-32, 12-21-48, 84-32-00 mỗi số 50.000đ, 00-12-32, 17-37, 21-32 mỗi số 100.000đ, 12-23, 00-37 mỗi số

200.000đ; số đề 34, 43, 48, 84 mỗi số 50.000đ; ba càng 203, 234, 484, 121, 312 mỗi số 20.000đ. Tổng là 4.060.000đ, O đồng ý và nhấn lại cho Anh “ok”.

Sau khi đánh bạc với F, 17 giờ 30 phút O chuyển toàn bộ số lô, số đề F đánh với O từ Zalo của O là “Trường O” đến zalo của T đồng thời O nhấn thêm: Các số lô: 48 x 20 điểm, 21 x 25 điểm, 46 x 25 điểm, 84 x 25 điểm, 12 x 10 điểm, 21 x 10 điểm, 68 x 200 điểm, 22 x 20 điểm (mỗi điểm lô là 21.700đ); số đề 35, 53 mỗi số 50.000đ, 70, 50, 55 mỗi số 20.000đ, đầu 0 (tức 00, 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09) và đầu 5 (tức 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59) mỗi số 10.000đ, tổng là 7.629.500đ. Tổng số tiền O ghi số lô, số đề với T (gồm cả số tiền chuyển bảng của F 4.021.000đ) là 11.650.500đ.

Sau khi so với kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng: O trúng số lô 68 hai nháy = $200 \times 2 = 400$ điểm, 48 = 40 điểm (gồm 20 điểm của Anh, 20 điểm của O), 21 = 35 điểm, tổng là 475 điểm x 80.000đ = 38.000.000đ, trúng số đề 01 = 10.000đ x 70.000đ = 700.000đ, tổng là 38.700.000đ, T phải thanh toán cho O số tiền 38.700.000đ. F trúng lô 48 = 20 điểm x 80.000đ = 1.600.000đ, O phải thanh toán cho Anh 1.600.000đ.

Quá trình điều tra xác định Lê Đức F không biết T và không biết việc chuyển số lô, số đề của O cho T. Việc chuyển số lô, số đề là tự ý của O tìm đến T, không có việc bàn bạc thống nhất, thỏa thuận gì.

Ngày 08/10/2019, tổng số tiền O và T đánh bạc với nhau là 50.350.500đ gồm: Số tiền chơi đề, chơi lô của Anh đánh với O, O chuyển sang T là 4.060.000đ; số tiền O chơi đề, chơi lô là 7.629.500đ và số tiền trúng lô, trúng đề là 38.700.000đ. O đánh bạc với F là 5.660.000đ gồm 4.060.000đ tiền chơi lô, chơi đề và 1.600.000đ tiền trúng lô, trúng đề. Số tiền trên T chưa thanh toán cho O và O chưa thanh toán cho F.

Như vậy, Đặng Văn T 02 lần thực hiện hành vi đánh bạc, cụ thể: Ngày 04/10/2019 đánh bạc với Nguyễn Văn E là 7.300.000đ, ngày 08/10/2019 đánh bạc với Trần Trường O là 50.350.500đ; tổng số tiền T đánh bạc với E và O là 57.650.500đ. Trần Trường O thực hiện hành vi đánh bạc ngày 08/10/2019 với Lê Đức F là 5.660.000đ và đánh bạc với Đặng Văn T là 50.350.500đ, tổng số tiền O đánh bạc với Anh và T ngày 08/10/2019 là 56.010.500đ. Nguyễn Văn E thực hiện 01 lần đánh bạc với số tiền là 7.300.000đ và Lê Đức F thực hiện 01 lần đánh bạc với số tiền là 5.660.000đ.

Quá trình điều tra xác định Đặng Văn T ghi số lô, số đề được khoảng 3 tuần, thi thoảng có người ghi nhưng ghi ít và không trúng, T không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể và không nhớ số tiền những người đến ghi số lô, số đề.

Vật chứng bị thu giữ: Thu của Đặng Văn T 01 điện thoại di động Samsung A7, Trần Trường O 01 điện thoại di động Iphone; Nguyễn Văn E 01

điện thoại di động Huawei; Lê Đức F 01 điện thoại di động SamSung Galaxy J7 (bên trong điện thoại đều có thẻ sim) là công cụ các đối tượng sử dụng để đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề qua tin nhắn SMS và qua Zalo. Thu của Trần Trường O 01 điện thoại di động Nokia 105 O không sử dụng để đánh bạc, ngày 20/10/2019 Cơ quan điều tra trả lại cho O.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án số 19/2020/HSST ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Đặng Văn T, Trần Trường O, Nguyễn Văn E và Lê Đức F phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đặng Văn T 03 năm 03 tháng tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2019 đến ngày 11/12/2019, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trần Trường O 03 năm tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/10/2019 đến ngày 18/10/2019, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn E 08 tháng tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/10/2019 đến ngày 18/10/2019, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lê Đức F 06 tháng tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/10/2019 đến ngày 18/10/2019, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, quyết định án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/4/2020, các bị cáo Đặng Văn T, Trần Trường O, Nguyễn Văn E và Lê Đức F kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo

Ngoài ra, bị cáo Đặng Văn T cho rằng bị cáo chỉ phạm vào tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như Kết luận điều tra số 75/KLĐT ngày 06/01/2019 của Công an huyện Đ và Cáo trạng số 02/CT-VKSTĐ ngày 03/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ chứ không phải khoản 2 như Cáo trạng số 18/CT-VKSTĐ ngày 26/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và bản án của Tòa án nhân dân huyện Đ đã xét xử đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự sửa bản án sơ thẩm số: 19/2020/HSST ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng không chấp nhận kháng cáo của bị cáo

Đặng Văn T, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo O, E, F giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo nhưng cho các bị cáo O, E, F được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định; sửa số tiền truy thu đối với bị cáo O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức, kháng cáo của các bị cáo Đặng Văn T, Trần Trường O, Nguyễn Văn E và Lê Đức F được làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ nên được chấp nhận xem xét.

[2] Về tố tụng: Bị cáo Đặng Văn T cho rằng hồ sơ vụ án có 02 bản cáo trạng, đây là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi truy tố các bị cáo theo Cáo trạng số 02 ngày 03/01/2020; ngày 06/01/2020 Tòa án nhân dân huyện Đ đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14 ngày 02/3/2020 và đã tiến hành giao cho các bị cáo (BL 564 - 568); ngày 17/02/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ có văn bản số 01 đề nghị được rút hồ sơ vụ án để tiến hành truy tố lại do có sự nhầm lẫn trong cách tính số tiền đánh bạc, ngày 18/02/2020 Tòa án nhân dân huyện Đ có Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 01/2020/HSST-QĐ do Thẩm phán ký ban hành (BL532). Việc Thẩm phán ký quyết định trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung khi không thông qua Hội đồng xét xử là chưa đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuy nhiên sai sót này không làm ảnh hưởng đến bản chất của vụ án nên không bị coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Sau khi Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố lại đối với các bị cáo tại Cáo trạng số 18/CT-VKSTĐ thì Tòa án nhân dân huyện Đ đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt cho các bị cáo và xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đó là: Vào ngày 04/10/2019 và ngày 08/10/2019, Đặng Văn T, Trần Trường O, Nguyễn Văn E và Lê Đức F đã đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề trái phép qua tin nhắn điện thoại. Số tiền các bị cáo đánh bạc với nhau là: Nguyễn Văn E 7.300.000đ (đánh bạc 3.300.000đ, trúng bạc 4.000.000đ); Lê Đức F 5.660.000đ (đánh bạc 4.060.000đ, trúng bạc 1.600.000đ); Trần Trường O đánh bạc với T là 50.389.500đ (gồm 4.060.000đ chuyển tiếp số tiền F đánh bạc; 7.629.500đ O trực tiếp đánh và 38.700.000đ tiền trúng bạc); Đặng Văn T 57.689.500đ (gồm đánh bạc với E 7.300.000đ và đánh bạc với O là 50.389.500đ).

Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngày 08/10/2019 O đánh bạc với F là 5.660.000đ; đánh bạc với T là 50.350.500đ, tổng số tiền O đánh bạc với F và T là 56.010.500đ là chưa chính xác. Bởi lẽ: O không đánh bạc (được thua) với Anh mà O chỉ nhận việc F ghi lô đề (tổng số tiền là 4.060.000đ), sau đó O chuyển bán cho T và được hoa hồng là 39.000đ. Như vậy, số tiền dùng vào việc đánh

bạc của O và của T đánh với nhau là 50.389.500đ chứ không phải là 56.010.500đ.

Với số tiền các bị cáo đánh bạc nêu trên đã bị Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 và khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng:

Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích nhân thân, vai trò của các bị cáo và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và xử phạt Đặng Văn T 03 năm 3 tháng tù, Trần Trường O 03 năm tù, Nguyễn Văn E 08 tháng tù, Lê Đức F 06 tháng tù là phù hợp, đúng tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

Đặng Văn T cho rằng cần phải tính số tiền đánh bạc của bị cáo theo như số tiền mà bị cáo và các con bạc thanh toán thực tế cho nhau (trừ phần trăm cho người chơi đề), như vậy bị cáo tự tính toán thì tổng số tiền bị cáo dùng để đánh bạc chưa tới 50.000.000đ, do đó bị cáo chỉ phạm tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Xét nội dung này thấy rằng: Tại tiểu mục 6, mục I văn bản số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao có ghi: *“Hiện nay, việc xác định số tiền dùng để đánh bạc (đánh đề hoặc cá độ) vẫn được thực hiện theo hướng dẫn tại các điểm a, b mục 5.1 khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22-10-2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Theo đó, số tiền của người chơi đề, cá độ dùng đánh bạc là tổng số tiền mà họ đã bỏ ra để mua số đề, cá độ cộng với số tiền thực tế mà họ được nhận từ chủ đề, chủ cá độ (trong trường hợp người chơi số đề, cá độ có trúng số đề, thắng cược cá độ) hoặc là tổng số tiền mà họ đã bỏ ra để mua số đề, cá độ (trong trường hợp người chơi số đề, cá độ không trúng số đề, không thắng cược cá độ). Như vậy, số tiền mà họ đã bỏ ra không chỉ là số tiền thực tế họ đưa cho người ghi đề, ghi cá độ mà phải là số tiền ghi trên tờ phoi hoặc giấy tờ khác chứng minh việc đánh bạc trái phép”*. Tại phiên tòa phúc thẩm cả bị cáo O và bị cáo T đều thừa nhận số tiền bị cáo O và T đánh bạc với nhau ghi trên tờ phoi là 11.689.500đ và số tiền trúng bạc là 38.700.000đ, tổng là 50.389.500đ. Như vậy, việc lập luận của bị cáo T về số tiền dùng vào việc đánh bạc dưới 50.000.000đ không có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ về việc bố bị cáo là người có công với nước được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng; xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh khó khăn, bố bị cáo ốm nặng, bị cáo đang nuôi 04 con nhỏ và là lao động chính, duy nhất trong gia đình; biên lai thể hiện bị cáo đã tự nguyện nộp một phần hình phạt bổ sung là phạt tiền, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và chỉ cần xử phạt bị

cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ để răn đe, giáo dục chung đối với bị cáo.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có vai trò lớn trong vụ án, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Điều 65 Bộ luật Hình sự, nên kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo không được chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bị cáo Trần Trường O: Hội đồng xét xử thấy rằng số tiền bị cáo đánh bạc nhiều. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp tài liệu, chứng cứ mới là biên lai tự nguyện nộp tiền phạt và án phí thể hiện thái độ chấp hành pháp luật và thực sự ăn năn của bị cáo; xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động duy nhất. Hiện bị cáo có nơi cư trú, ổn định, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, cần xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo có điều kiện cải tạo sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn E và Lê Đức F: Cả hai bị cáo đều là người có vai trò thấp trong vụ án, do ham chơi, hám lời nên đã đánh bạc bằng hình thức chơi số đề với T và O. Xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo và tỏ ra thực sự ăn năn hối cải; số tiền dùng vào việc đánh bạc không nhiều, bản thân các bị cáo chưa nhận được số tiền trúng đề và chưa trả tiền đánh đề cho T và O. Các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, do đó chấp nhận kháng cáo của bị cáo E và F, chỉ cần phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật và không làm ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn.

[5] Đối với số tiền truy thu của các bị cáo để sung vào ngân sách nhà nước, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm truy thu của Đặng Văn T 42.700.000đ (gồm số tiền phải thanh toán trúng lô cho E là 4.000.000đ và số tiền phải thanh toán trúng lô, trúng đề cho O là 38.700.000đ); Nguyễn Văn E 3.300.000đ; của Lê Đức F 4.060.000đ là đúng quy định của pháp luật. Riêng đối với Trần Trường O, Tòa án cấp sơ thẩm truy thu 11.650.000đ là chưa chính xác, bởi số tiền F đánh bạc với O, O đã chuyển tiếp cho T và chỉ được hưởng hoa hồng từ số tiền đánh bạc của F là 39.000đ nên số tiền truy thu đối với O gồm 7.629.500đ (số tiền O đánh bạc với T) và 39.000đ (tiền hoa hồng), tổng số tiền truy thu đối với O là 7.668.500đ. Do đó, Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm đối với số tiền truy thu của O.

[6] Án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HSST ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Văn T, Trần Trường O, Nguyễn Văn E và Lê Đức F phạm tội “Đánh bạc”

3. Về hình phạt chính:

3.1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đặng Văn T 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2019 đến ngày 11/12/2019.

3.2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trần Trường O 03 (Ba) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (02/10/2020).

Giao bị cáo Trần Trường O cho Ủy ban nhân dân xã Hồ Sơn, huyện Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách

3.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn E 08 (Tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (02/10/2020).

Giao bị cáo Nguyễn Văn E cho Ủy ban nhân dân thị trấn Hợp Châu, huyện Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lê Đức F 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (02/10/2020).

Giao bị cáo Lê Đức F cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đại Đình, huyện Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc: Đặng Văn T 42.700.000đ (Bốn mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng); Trần Trường O 7.668.500đ (Bảy triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng); Nguyễn Văn E 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm nghìn đồng); Lê Đức F 4.060.000đ (Bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

5. Án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ;
- Các bị cáo;
- UBND xã H; thị trấn C; thị trấn A, huyện Đ;
- Lưu hồ sơ, Toà hình sự, HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà